TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 26/04/2021
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1987; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Vũ Quốc H1 – sinh năm 1981; vắng mặt

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 11, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị Hiền, anh Hiệp có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Quốc H1 kết hôn hợp pháp với nhau ngày 31 tháng 10 năm 2015 tại tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng gia đình anh H1 tại xóm 11, xã L, huyện K. Trong suốt thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hỏa giải phân tích nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến tháng 3 năm 2016 thì do không chịu được nên chị H đã bỏ về bố mẹ đẻ chị H ở xóm 7, xã N, huyện N để sinh sống đồng thời anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vũ Quốc H1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Vũ Quốc H1 không có con chung nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai, các văn bản tiếp theo bị đơn anh Vũ Quốc H1 trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau hợp pháp với nhau năm 2015 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với bố mẹ anh xã L và chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cô H đã không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng luôn bất hòa thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải đồng thời và anh cũng đã tìm những biện pháp khắc phục những mâu thuẫn trong cuộc sông nhưng không có kết quả. Năm 2016 chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H để sinh sống từ đó đến nay. Anh đã nhiều lần tìm cách liên lạc với chị H đề chị H về tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị H không hợp tác. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh không nhất trí và đề nghị chị H phải về nói chuyện với anh.

Về con chung: anh và chị H không có con chung nên nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Vũ Quốc H1.
- Án phí: Nguyễn Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với anh Vũ Quốc H1 có nơi cư trú tại: Xóm 11, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn do chị H và anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Quốc H1 có đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2015 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Quốc H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H1 tại xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống cả chị H và anh H1 đều xác nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần cãi chửi nhau, nguyên nhân do tính tình không hợp và cuộc sống luôn bất đồng quan điểm. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh H1, bản thân anh H1 không nhất trí, anh yêu cầu chị H phải về nói chuyện với anh.

Bản thân chị H vẫn cương quyết và xin giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh H1 mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng anh chị còn chung sống hạnh phúc cũng như anh không biện pháp nào để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L thể hiện: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn hợp pháp năm 2015 tại UBND xã L, sau khi kết hôn anh chị về chung sống xóm 11, xã L, huyện K. Quá trình sinh sống địa phương không nắm được nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn do UBND xã không nhận được yêu cầu hòa giải nào từ vợ chồng anh H1, chị H. Thời gian từ năm 2016 đến nay chị H đã không còn chung sống với anh H1 nữa,. Nay chị H xin ly hôn anh H1 đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cũng như yêu cầu, nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ chị H và anh H1 đã phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, mặt khác anh chị cũng không có con chung. Thời gian vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân cả hai vợ chồng cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H có đơn xin ly hôn anh H1. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung và tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh H1 không có con chung, tài sản và công nợ chung nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Như vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án thì chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Quốc H1 được ly hôn

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002548 ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã L;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh